

Số: .....

Biên Hòa, ngày tháng năm

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của Phòng Kinh tế

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Phòng Kinh tế (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Phó trưởng phòng, Kế toán và các tổ liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng Tài chính kế hoạch;
- Phòng Văn hóa và thông tin (công khai);
- Lưu :VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thị Duyên**

Đơn vị: PHÒNG KINH TẾ

Chương: 620

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-PKT ngày 28/12/2022 của Phòng Kinh tế.)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	<b>73.595.000</b>
	Phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	25.400.000
	Phí thẩm định quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	48.195.000
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
1	<b>Chi sự nghiệp .....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	<b>46.436.500</b>
	Phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	12.700.000
	Phí thẩm định quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	33.736.500
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	<b>27.158.500</b>
	Phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	12.700.000
	Phí thẩm định quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	14.458.500
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>4.691.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>4.691.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>2.311.000.000</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.231.000.000
	- Thanh toán cá nhân	1.386.000.000

	- Hoạt động thường xuyên	845.000.000
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>760.500.000</i>
	<i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>	<i>84.500.000</i>
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	80.000.000
	-Kinh phí kiểm tra phân loại cơ sở theo Thông tư số 38/BNN-PTNT	80.000.000
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>72.000.000</i>
	<i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>	<i>8.000.000</i>
<b>2</b>	<b>Chi các sự nghiệp</b>	<b>2.380.000.000</b>
<b>2.1</b>	<b>Sự nghiệp Nông nghiệp</b>	<b>1.030.000.000</b>
	<i>KP sự nghiệp</i>	<i>927.000.000</i>
	<i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>	<i>103.000.000</i>
<b>2.2</b>	<b>Sự nghiệp Lâm nghiệp</b>	<b>540.000.000</b>
	<i>KP sự nghiệp</i>	<i>486.000.000</i>
	<i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>	<i>54.000.000</i>
<b>2.3</b>	<b>Sự nghiệp Công thương</b>	<b>450.000.000</b>
	<i>KP sự nghiệp</i>	<i>405.000.000</i>
	<i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>	<i>45.000.000</i>
<b>2.4</b>	<b>Sự nghiệp Thủy lợi</b>	<b>360.000.000</b>
	<i>KP sự nghiệp</i>	<i>349.000.000</i>
	<i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>	<i>11.000.000</i>
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	